

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 594/2020/TLST- HNGĐ ngày 29/7/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(bà V, ông H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông Trần Văn H kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà xin ly hôn ông Trần Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Văn A, sinh ngày 03/11/2004 và cháu Trần Hoàng A1, sinh ngày 19/10/2009. Ly hôn, bà xin được chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng A1, bà đồng ý giao cháu Vân A cho ông H nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị V kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, ông có tình cảm với người phụ nữ khác. Ông đã nhận lỗi nhưng bà V không tha thứ. Tuy nhiên do ông theo đạo Thiên chúa và vì các con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Vân A, sinh ngày 03/11/2004 và cháu Trần Hoàng A1, sinh ngày 19/10/2009. Ly hôn, ông xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Vân A. Ông đồng ý giao cháu Trần Hoàng A1 cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V. Về con chung: Do các bên đã thống nhất về con chung nên giao cháu Trần Vân A cho ông Trần Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hoàng A1 cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Bà V khai không có. Bà V phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Vân, ông Hoàn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà V, ông H kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà V xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về nội dung: Bà V trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Ông H cũng thừa nhận vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, ông có tình cảm với người phụ nữ khác và nhận lỗi nhưng bà V không tha thứ. Tại biên bản xác minh ngày 09/9/2020, thể hiện vợ chồng bà V, ông H chung sống không hạnh phúc. Như vậy, vợ chồng bà V, ông H mâu thuẫn đã trầm trọng, bà V xác nhận không còn tình cảm với ông H và cương quyết xin ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, cho bà V ly hôn ông Trần Văn H vì hàn gắn vợ chồng cũng không hạnh phúc.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Văn A, sinh ngày 03/11/2004 và cháu Trần Hoàng A1, sinh ngày 19/10/2009. Hội đồng xét xử xét thấy, bà V, ông H đã thống nhất về con chung, cháu Trần Hoàng A1 có nguyện vọng ở với bà V, cháu Văn A có nguyện vọng ở với ông H, do vậy, giao cháu Trần Văn A cho ông Trần Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hoàng A1 cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các bên khai không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005570 ngày 29/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Trần Văn H.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Văn A, sinh ngày 03/11/2004 cho ông Trần Văn H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Hoàng A1, sinh ngày 19/10/2009 cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời bà V, ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Vì không trực tiếp nuôi con nên các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà V, ông H khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005570 ngày 29/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bà V, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã Q (số 13 ngày 16/02/2004).
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ký